UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1422 /SXD-QLXD

Về việc khảo sát giá vật liệu xây dựng tháng 10 năm 2023 trên địa bàn tỉnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kính gửi:
- Các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài nguyên và môi trường, Cục thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Căn cứ quy định pháp luật về giá và pháp luật về đầu tư xây dựng. Thực hiện nhiệm vụ Uỷ ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 và Văn bản số 1319/UBND-KT2 ngày 24/5/2022, Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, xác định giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn tỉnh tháng 10 năm 2023.

Để thực hiện công tác khảo sát và công bố giá VLXD trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, Sở Xây dựng đề nghị:

- Sở Tài chính cử cán bộ tham gia phối hợp khảo sát giá VLXD; yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh thực hiện niêm yết giá, công khai giá, kiểm tra các yếu tố chi phí cấu thành giá VLXD khi có biến động bất thường; phối hợp với Sở Xây dựng trong việc xác định giá VLXD trên địa bàn tỉnh làm cơ sở công bố giá đảm bảo theo quy định.

- Sở Tài nguyên và môi trường chỉ đạo các cơ sở khai thác khoáng sản (cát xây dựng) trên địa bàn tỉnh có kinh doanh VLXD thực hiện công khai giá, niêm yết giá và cung cấp thông tin về giá cát xây dựng gửi Sở Xây dựng để phục vụ công bố giá theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ sở kinh doanh VLXD chủ yếu (cát xây dựng, đá xây dựng,…) tại các bến bãi thực hiện công khai giá, niêm yết giá và cung cấp thông tin về giá gửi Sở Xây dựng để phục vụ công bố giá theo quy định.

- Sở Công thương phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá VLXD, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng sản phẩm, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy

định của pháp luật; kiểm tra việc niêm yết giá VLXD và bán theo giá niêm yết của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Cục Thuế tỉnh tiếp tục siết chặt công tác quản lý, kiểm soát đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành chế độ hoá đơn, chứng từ kế toán đối với các đơn vị khai thác khoáng sản và cơ sở sản xuất kinh doanh VLXD. Cung cấp thông tin về giá VLXD thông qua số liệu kê khai thuế của các đơn vị khai thác khoáng sản và cơ sở sản xuất kinh doanh VLXD gửi Sở Xây dựng để phục vụ công bố giá theo quy định.

- Cục quản lý thị trường phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá VLXD, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng sản phẩm, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; kiểm tra việc niêm yết giá VLXD và bán theo giá niêm yết của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định.

- Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cử cán bộ tham gia phối hợp khảo sát giá VLXD, cập nhật giá VLXD trên địa bàn gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, công bố theo quy định.

- Các đơn vị sản xuất kinh doanh VLXD có nhu cầu công bố giá VLXD nghiên cứu lập hồ sơ gửi về Sở Xây dựng.

- Đề nghị các Quý cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị công bố giá VLXD, thông tin khảo sát giá VLXD về Sở Xây dựng trước ngày 24/10/2023.

Kế hoạch dự kiến khảo sát giá VLXD theo Phụ lục số I.

Danh mục dự kiến khảo sát giá VLXD theo Phụ lục số II

Hồ sơ đề nghị công bố giá VLXD theo Phụ lục số III.

Rất mong được sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Lê Ngọc Trong, số điện thoại 0982.601.020 hoặc ông Nguyễn Thế Hoàng, số điện thoại 0985.372.287- Phòng Quản lý xây dựng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLXD.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: SỞ XÂY DỰNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 10/10/2023 14:01:18

Bùi Quang Kiềm

Phụ lục số I
KẾ HOẠCH KHẢO SÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(Kèm theo Văn bản số 1422/SXD-QLXD, ngày 10 tháng năm 2023 của Sở Xây dựng Hưng Yên)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Thời gian khảo sát
1	Thành phố Hưng Yên	Từ 8h đến 11h30 ngày 16/10/2023
2	Huyện Tiên Lữ	Từ 13h30 đến 16h30 ngày 16/10/2023
3	Thị xã Mỹ Hào	Từ 8h đến 11h30 ngày 17/10/2023
4	Huyện Yên Mỹ	Từ 13h30 đến 16h30 ngày 17/10/2023
5	Huyện Khoái Châu	Từ 8h đến 11h30 ngày 18/10/2023
6	Huyện Kim Động	Từ 13h30 đến 16h30 ngày 18/10/2023
7	Huyện Phù Cừ	Từ 8h đến 11h30 ngày 19/10/2023
8	Huyện Ân Thi	Từ 13h30 đến 16h30 ngày 19/10/2023
9	Huyện Văn Lâm	Từ 8h đến 11h30 ngày 20/10/2023
10	Huyện Văn Giang	Từ 13h30 đến 16h30 ngày 20/10/2023

Ghi chú:

- Trong quá trình tổ chức thực hiện lịch trình khảo sát có thể điều chỉnh cho phù hợp;

- Địa điểm khảo sát: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Phụ lục số II
DANH MỤC DỰ KIẾN KHẢO SÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(Kèm theo Văn bản số / SXD-QLXD, ngày tháng năm 2023 của Sở Xây dựng Hưng Yên)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục vật liệu	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đơn giá
1	***2***	***3***	***4***	***5***
I	Nhóm vật liệu chính			
1	Đá 0,5 - 1		m^3	
2	Đá 1 x 2		m^3	
3	Đá 2 x 4		m^3	
4	Đá 4 x 6		m^3	
5	Đá dăm cấp phối loại I		m^3	
6	Đá dăm cấp phối loại II		m^3	
7	Đá hộc		m^3	
8	Cát san nền		m^3	
9	Cát mịn (mô đun độ lớn $M_L = 0,7 \div 1,4$)			
10	Cát mịn (mô đun độ lớn $M_L = 1,5 \div 2$)		m^3	
11	Cát vàng (mô đun độ lớn $M_L > 2$)		m^3	
II	Nhóm vật liệu xi măng			
	1. SẢN PHẨM XI MĂNG HOÀNG THẠCH			
1	Xi măng Hoàng Thạch MC25		tấn	
2	Xi măng Hoàng Thạch PCB30		tấn	
3	Xi măng Hoàng Thạch PCB40		tấn	
	2. SẢN PHẨM XI MĂNG TRẮNG GAMA HẢI PHÒNG			
1	Xi măng trắng GAMA Hải phòng PCW 30 (giá chưa có chi phí vận chuyển)		tấn	
2	Xi măng trắng GAMA Hải phòng PCW 40 (giá chưa có chi phí vận chuyển)		tấn	
III	Nhóm sản phẩm thép			
	1. SẢN PHẨM THÉP THÁI NGUYÊN			
	Thép cuộn			
1	Thép trơn CT3, CB240-T, D6-T, D8-T		kg	
2	Thép vằn SD295A, CB300-V, D8		kg	

	Thép cây vằn			
3	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V, D10	L=11,7m	kg	
4	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V, D12	L=11,7m	kg	
5	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V, D14-D40	L=11,7m	kg	
	Thép hình			
6	Thép góc L40 - 50 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
7	Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
8	Thép góc L70-100 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
9	Thép góc L120-130 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
10	Thép góc L150 SS400 L=6m; 9m; 12m		kg	
11	Thép góc L80 - 100 SS540 L=6m; 9m; 12m		kg	
12	Thép góc L120 - 130 SS540 L=6m; 9m; 12m		kg	
13	Thép C8-10 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
14	Thép C12-16 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
15	Thép C18 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m		kg	
16	Thép I10 SS400, CT38, CT42, L=6m; 9m; 12m		kg	
17	Thép I12 SS400, CT38, CT42, L=6m; 9m; 12m		kg	
18	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m; 9m; 12m		kg	
	2. SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY TNHH THÉP HÒA PHÁT HƯNG YÊN *(giá tại khu vực tỉnh Hưng Yên)*			
19	Thép tròn cuộn CB240-T, D6, D8, D10, D12		kg	
20	Thép cuộn vằn CB300-V, D8 Gai		kg	
21	Thép thanh vằn CB300-V, D10	L=11,7m	kg	
22	Thép thanh vằn SD295, D12	L=11,7m	kg	
23	Thép thanh vằn Gr40, D13-D32	L=11,7m	kg	
24	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V, D10	L=11,7m	kg	
25	Thép thanh vằn SD390, D12	L=11,7m	kg	
26	Thép thanh vằn Gr60, D13-32	L=11,7m	kg	
27	Thép thanh vằn Gr60, D36	L=11,7m	kg	
28	Thép thanh vằn Gr60, D40	L=11,7m	kg	
IV	**NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ**			
1	Đá granite Bình Định trắng ánh đồng, dày 2cm		m^2	
2	Đá granite Bình Định đen, dày 2cm		m^2	
3	Đá granite Bình Định xanh đen, dày 2cm		m^2	
4	Đá granite Bình Định nâu, dày 2cm		m^2	
5	Đá granite Bình Định vàng, dày 2cm		m^2	
6	Đá granite Bình Định đỏ rubi, dày 2cm		m^2	
7	Đá granite Bình Định đỏ Gia Lai, dày 2cm		m^2	
V	**NHÓM VẬT LIỆU LỢP**			

	1. SẢN PHẨM NGÓI HẠ LONG			
8	Ngói Hạ Long A1 men (loại 22v/m^2)		viên	
9	Ngói Hạ Long A1 không men (loại 22v/m^2)		viên	
10	Ngói mũi hài Hạ Long không men loại A1 (loại 85 v/m^2)		viên	
VI	**NHÓM VẬT LIỆU QUE HÀN**			
	1. SẢN PHẨM QUE HÀN VIỆT ĐỨC			
	Que hàn N46			
11	N46 F2,5		kg	
12	N46 F3 & F3,25		kg	
13	N46 F4		kg	
14	N46 F5		kg	
15	N46A F4 & F5		kg	
VII	**NHÓM VẬT LIỆU TRE, GỖ**			
16	Cây chống tre, luồng 6-7m		cây	
17	Cọc tre gai Ø6cm-8cm (2,5m/cọc)		m	
18	Gỗ đà chống		m^3	
19	Gỗ đà nẹp		m^3	
20	Gỗ xà gồ		m^3	
21	Gỗ cốp pha (thành khí)		m^3	
22	Gỗ lim (thành khí)		m^3	
	Khuôn cửa gỗ chò chỉ			
23	Khuôn cửa kép (250 x 60mm)		m	
24	Khuôn cửa đơn (130 x 60mm)		m	
25	Cửa gỗ chò chỉ chiều dày đố 4cm, ván 3cm, huỳnh 2 mặt cả ke, bản lề sắt, sơn PU. Nếu không dùng sơn PU, đơn giá cửa giảm đi 250.000 đồng/m^2			
26	Cửa đi Panô đặc		m^2	
27	Cửa đi Panô kính		m^2	
28	Cửa sổ Panô kính		m^2	
29	Cửa chớp		m^2	
	Khuôn cửa gỗ dổi			
30	Khuôn cửa kép (250 x 60mm)		m	
31	Khuôn cửa đơn (130 x 60mm)		m	
32	Cửa gỗ dổi chiều dầy đố 4cm, ván 3cm, huỳnh 2 mặt, cả ke, bản lề sắt, sơn PU. Nếu không dùng sơn PU, đơn giá cửa giảm đi 250.000 đồng/m^2			
33	Cửa đi Panô đặc		m^2	
34	Cửa đi Panô kính		m^2	

35	Cửa sổ Panô kính		m^2	
36	Cửa chớp		m^2	
	Khuôn cửa gỗ lim			
37	Khuôn cửa kép (250 x 60mm)		m	
38	Khuôn cửa đơn (130 x 60mm)		m	
39	Cửa gỗ lim chiều dầy đố 4cm, ván 3cm, huỳnh 2 mặt, cả ke, bản lề sắt, sơn PU. Nếu không dùng sơn PU, đơn giá cửa giảm đi 250.000 đồng/m^2			
40	Cửa đi Panô đặc		m^2	
41	Cửa đi Panô kính		m^2	
42	Cửa sổ Panô kính		m^2	
43	Cửa chớp		m^2	
	Sản phẩm khóa Việt Tiệp			
44	Khoá cửa đi tay nắm (đấm)		cái	
45	Khóa cửa đi tay nắm thông phòng		hộp	
46	Khóa cửa đi tay nắm loại trung bình		hộp	
47	Crêmon cửa đi cao 2,5m (không có khóa)		bộ	
48	Crêmon cửa sổ cao 1,6m (không có khóa)		bộ	
VIII	**NHÓM THIẾT BỊ ĐIỆN ĐIỆN**			
1	Quạt trần cánh nhôm, sải cánh 1,4m (cả hộp số)		bộ	
IX	**NHÓM VẬT LIỆU KHÁC**			
1	Củi (gỗ cây đường kính < 30cm)		kg	
2	Đinh các loại		kg	
3	Tấm lợp Fipro ximăng (0,9m x 1,5m)		tấm	
4	Vôi cục		tấn	
	…			
Ghi chú: Tất cả các VLXD khi sử dụng cho các công trình phải đảm bảo chất lượng theo quy định ./.				

Phụ lục số III

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Văn bản số /SXD-QLXD ngày / /2023 của Sở Xây dựng)

Mẫu công văn đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng

Tên đơn vị đề nghị công bố giá	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa ... định kỳ	*....., ... ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Văn bản số 2295/UBND-KT2 ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng,….;

Công ty ..... đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa..... định kỳ, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Nhãn hàng hoá theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

5. Thông báo tiếp nhận đăng ký hợp quy của cơ quan chuyên nghành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy

định tại Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng.

6. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

7. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: ...
- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: ...
- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): ...

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /..... đến ngày ... / ... /.....

Công ty..... cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty..... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.